Nói Đúng, Đọc Đúng, Viết Đúng Tiếng Việt

Bài viết ngắn này được soạn ra để giúp các em học sinh trường Việt Ngữ và Văn Hóa Phan Bội Châu ôn lại cách nói, đọc, và viết cho đúng tiếng Việt. Phần lớn các em ít có cơ hội sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày, vì vậy các em dễ bị nói tiếng Việt "lơ lớ", đọc không thông và viết không thạo.

I - Những lỗi thông thường:

1 - Bỏ dấu không đúng
Thí dụ: giặc Mông Cổ - giặc Mông *Cô*
2 - Dấu sắc - dấu hỏi - dấu ngã
Thí dụ: giá - giã
giả - giã

II - Những cụm từ dễ bị nói hay đọc sai:

1 – ac – at – ăc – ach
Thí dụ: các – cát – cắc – cách
thân xác – *thanh xách*
2 - anh – ăng - ang
Thí dụ: cô Ánh – cô *Ắng* - cô *Áng*
3 – on – ong – ôn - ông
Thí dụ: trong trong – *tron tron*
Ông Trọng – *On Trọn*
3 - ăng - âng
Thí dụ: vâng lời – *văng* lời
4 – t – thu
Thí dụ: cô Thu – cô *Tu*

III - Những chữ dễ bị viết sai:

1 – ớ - ấ
Thí dụ: lớn - lấn
2 – oai - uai
Thí dụ: ăn khoai - *anh khuai*
ngoai (ng + oai)
hoai (h + oai)
khoai (kh + oai)
quai (qu + ai)
3 – oay - uay
Thí dụ: xoáy - *xuáy*
hoáy (h + oáy)
khoáy (kh + oáy)
quay (qu + ay)
4 – uây - *uơy*
Thí dụ: khuấy - *khuớy*

IV - Những chữ viết thường bị hiểu sai, đọc sai, viết sai:

1 – X – S
Thí dụ: xác suất, xuất sắc, xổ số, sâu xa, hỉ xả
rừng sác, khinh suất, sổ bộ, đường sá, cây sả
xán lạn, chà xát, giáo xứ, xâu chuỗi, đấu xảo, Xúc phạm, xúng xính, xót xa
liêm sỉ, giáo sư, chia sẻ, kiểm soát, giám sát, Viện Kiểm Sát, súc tích, sính lễ
thiếu sót

2 – D – Gi – R

Thí dụ: Dời nhà: chuyển nhà đi nơi khác
Rời nhà: đi ra khỏi nhà
để dành, dành dụm
tranh giành, giành lại
dấu vết, dấu chân, con dấu
giấu giếm, giấu mặt
dàn nhạc, dàn xếp, dàn máy
giàn mướp, giàn bầu, giàn giụa
giáo dục, dục anh, dục tốc bất đạt
xúi giục, giục giã
dao động, con dao, cây quỳnh cành dao
giao điểm, giao tranh, giao hàng
(dừng = dứng = nan làm cốt vách nhà) Tai vách mạch dừng, rút dây động dừng

3 - Tr – Ch

Thí dụ: dân trí, chuyền tay, dây chuyền, câu chuyện, kể chuyện, trưng bày, trân châu
chí khí, truyền thụ, truyền tin, quyển truyện, đọc truyện, chưng diện, chân thành

4 – L – N

Thí dụ: đi lên, lỡ lời, líu lo
làm nên, nỡ lòng, níu kéo

5 - Tục ngữ

Thí dụ: "Có Học phải có **Hạnh**"
"Vụng chèo khéo **trống**"
"Tai vách mạch **dừng**"
"Rút dây động **dừng**"